

Để thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp VƯỢT KHÓ

TS. NGUYỄN MINH PHONG



Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ trong 9 tháng đầu năm 2011, bên cạnh 57000 doanh nghiệp trong nước đăng ký thành lập mới, thì cũng có khoảng 50.000 doanh nghiệp phá sản, giải thể và dừng hoạt động, không nộp thuế. Lạm phát cao và những khủng hoảng, trì trệ trong kinh tế thế giới cùng nhiều yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam đã, đang và sẽ còn làm nhiều doanh nghiệp lao đao... Trong bối cảnh đó, để góp phần giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và động lực tăng trưởng cần chú ý một số điểm sau đây:

Thứ nhất, giảm thuế và giảm thiểu các chi phí, tổn thất cho doanh nghiệp trong quá trình tham gia và rút khỏi thị trường phải là một trong các khuyến nghị cần nhấn mạnh hàng đầu.

Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và những chi phí sản xuất gắn với tiêu cực và tham nhũng trong quản lý nhà nước sẽ trực tiếp và thiết thực nhất giúp cho doanh nghiệp (nhất là ở những lĩnh vực cần đầu tư phát triển) giảm chi phí sản xuất, giảm giá đầu ra, và do đó giảm áp lực lạm phát chi phí đẩy theo mục tiêu chung của Nghị quyết 11/NQ-CP. Bên cạnh kết quả bước đầu cải cách hành chính khá ấn tượng với việc rà soát và cắt giảm, cải thiện hàng ngàn quy trình quản lý và văn bản hành chính trực tiếp liên quan đến doanh nghiệp đang tiến hành, cần có nhiều đột phá thể chế hơn nữa trong hoàn thiện các thể chế kinh tế thị trường và tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ hai, thắt chặt hơn nữa đầu tư công và điều hòa một phần vốn đầu tư công cho đầu tư của các khu vực và mục tiêu kinh tế khác.

Trước mắt, cần làm rõ được 3 yếu tố: tiêu chí, cơ chế thực hiện, kiểm soát lợi ích và các chế tài gắn liền việc cắt giảm, giãn tiến độ các dự án đầu tư từ NSNN và tín dụng đầu tư nhà nước. Đồng thời, sớm

nghiên cứu chuyển một phần vốn tiết kiệm được hay bị thu hồi từ đầu tư công sai mục đích để tạo nguồn vốn bổ sung với lãi suất thấp, ưu đãi cho các tổ chức tín dụng và tài chính, trong đó có việc lập ra các thể chế tài chính mới và có chính sách để tăng nguồn lực trực tiếp cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, vay phát triển nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ, nhất là hỗ trợ quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và tăng cường bảo đảm an sinh xã hội; ngăn chặn hiệu quả các trường hợp “đánh bừa sang ao” và sự chi phối của lợi ích nhóm, nhiệm kỳ như diễn văn Kết luận Hội nghị TW3 của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhắc nhở.

Thứ ba, nghiên cứu điều chỉnh cách quản lý lãi suất ngân hàng vì lợi ích toàn cục, đồng thời phát triển thị trường vốn đa dạng hơn và có tính thị trường lành mạnh hơn.

Cả về lý thuyết và thực tế đều cho thấy, lãi suất cần được thiết lập dựa chủ yếu vào mức lạm phát thực tế và chi phí hoạt động tối thiểu của ngân hàng; đồng thời, cần phục vụ mục tiêu quản lý dòng vốn tín dụng xã hội, yêu cầu thúc đẩy cạnh tranh và trạng thái thanh toán của hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh nền kinh tế có tính độc quyền và đầu cơ cao, cần duy trì và gia tăng kiểm soát vĩ mô nhằm hạn chế tình trạng buôn bán vốn lòng vòng và tập trung cho vay rủi ro vào lĩnh vực phi sản xuất, từ đó giúp cải thiện nguồn vốn cho đầu tư sản xuất, cũng như giảm thiểu nguy cơ bất ổn hệ thống ngân hàng.

Trên lãi suất huy động chủ yếu là để bảo vệ các tổ chức tín dụng, chống cạnh tranh lãi suất không lành mạnh trong bối cảnh chưa có sự chuẩn hóa và bình đẳng giữa các ngân hàng và tổ chức tín dụng trên thị trường.

Thực tế hiện nay cho thấy, các ngân hàng đang đứng trước những khó khăn rất cần các biện pháp để giải quyết:

- Một mặt, các ngân hàng chịu sức ép cạnh tranh sức hấp dẫn nhằm duy trì ổn định nguồn vốn huy động tạo sự căng thẳng khả năng thanh khoản, buôn bán vốn lòng vòng, thiếu minh bạch và cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động tín dụng; tức gây cảnh “mất nhiều hơn

được” trong theo đuổi các mục tiêu điều hành lãi suất của NHNN.

- Mặt khác, các ngân hàng chịu sức ép tìm kiếm khách hàng đủ sức chịu lãi vay, khiến dòng vốn tín dụng ngân hàng bị dồn tụ, tập trung thái quá bất chấp nguyên tắc an toàn vào một số khách hàng và lĩnh vực kinh doanh, nhất là cho vay phi sản xuất. Việc “tập trung trứng vào một giỏ” kiểu đó sẽ khiến rủi ro tín dụng gia tăng và chủ trương tập trung cho vay sản xuất, nhất là cho vay tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ, cũng như cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ chỉ là lời hiệu triệu tốt đẹp hay an ủi tinh thần cho những người trong cuộc mà thôi. Hơn nữa, lãi suất cho vay cao làm hệ thống doanh nghiệp trở nên ngột thở, mất khả năng cạnh tranh, nguy cơ thu hẹp sản xuất, vỡ nợ và giãn nợ, tạo sức ép xã hội tăng cao đang ngày một đậm nét...

- Bên cạnh đó, cơ chế quản lý tỷ giá phải tiếp tục và thực sự mềm dẻo, linh hoạt hơn theo tín hiệu thị trường, để không lặp lại cả tình trạng chênh biệt 2 tỷ giá kéo dài, cũng như những cú “sốc tỷ giá” lợi ít, hại nhiều.

- Thông tin chính sách và doanh nghiệp cần minh bạch, và cập nhật hơn, đa dạng và nhiều chiều hơn, đảm bảo dân chủ và tăng thêm vai trò phản biện xã hội của các hiệp hội và tổ chức xã hội.

- Tăng cường quy chế phổ biến và trách nhiệm giải trình, cũng như bảo đảm chất lượng thông tin chính sách, phát ngôn chính thức, thông tin của doanh nghiệp, nhất là của doanh nghiệp Nhà

nước. Thông tin của nhà nước chậm sẽ gây thiệt thòi cho doanh nghiệp; Đồng thời, nếu khu vực doanh nghiệp và các số liệu thống kê nhà nước đưa thông tin sai thì điều hành Chính phủ sai, dễ tạo ra sự hỗn loạn và đổ vỡ bất ngờ nào đó, chỉ ít cũng làm giảm hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế và chống lạm phát. Thông tin phải minh bạch và chính sách phải ổn định, được hoàn thiện dần theo hướng có thể dự báo được. Tăng chất lượng và vai trò dự báo

về tác động 2 mặt của chính sách, được đưa ra bởi đội ngũ chuyên nghiệp, có phản biện khoa học...

- Chủ động thúc đẩy tái cấu trúc doanh nghiệp, ngân hàng và đầu tư xã hội theo nguyên tắc thị trường, phát triển theo chiều sâu, hiện đại và bền vững.

Trong quá trình tái cơ cấu, cần tôn trọng, vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật, nguyên tắc của kinh tế thị trường, xem nhu cầu thị trường, cơ chế thị trường và hiệu quả, lợi ích là căn cứ chính để quyết định việc phân bổ các nguồn lực cho phát triển; đồng thời, có biện

pháp tích cực ngăn ngừa và khắc phục những hạn chế, mặt trái của cơ chế thị trường. Yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững đòi hỏi Nhà nước không bao cấp rủi ro cho doanh nghiệp, nhưng cũng không tạo ra những rủi ro cho doanh nghiệp bằng các quyết định hành chính của mình. Một nghịch lý là, hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về kinh tế chưa cao là do sự can thiệp của Nhà nước, ở nhiều cấp chính quyền khác nhau, không phù hợp với sự vận động của

...Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và những chi phí sản xuất gắn với tiêu cực và tham nhũng trong quản lý nhà nước sẽ trực tiếp và thiết thực nhất giúp cho doanh nghiệp (nhất là ở những lĩnh vực cần đầu tư phát triển) giảm chi phí sản xuất, giảm giá đầu ra...





thị trường; Nhưng mặt khác, Nhà nước lại thiếu công cụ và cơ chế giám sát, chế tài để bảo đảm các chủ thể tham gia các quan hệ thị trường tuân thủ “luật chơi” đã đề ra. Vì vậy, cần khẩn trương xây dựng Luật quản lý vốn Nhà nước hoặc Luật đầu tư công tạo cơ sở pháp lý cần thiết điều chỉnh bằng Luật đối với các hoạt động đầu tư công, trong đó có đầu tư của các DNNN trong 2 dạng hoạt động vì lợi nhuận và phi lợi nhuận.

Về dài hạn, cần chủ động giảm thiểu dần đầu tư công, tăng đầu tư ngoài NSNN trong tổng đầu tư xã hội; Tái cơ cấu đầu tư công, tăng đầu tư phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; khoa học và công nghệ, đào tạo và y tế; tiết giảm việc cấp vốn ngân sách cho nhu cầu đầu tư của khối các Tổng công ty; Tập đoàn Nhà nước và chuyển trọng tâm đầu tư công ra ngoài lĩnh vực kinh tế, để tập trung vào phát triển các lĩnh vực hạ tầng và xã hội. Đồng thời, kiên quyết thẳng tay cắt những dự án đầu tư nếu không đạt các tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội và chưa bảo đảm các yêu cầu về thủ tục, tập trung vốn cho các dự án bảo đảm hoàn thành trong hạn định và có hiệu quả cao; cắt giảm các công trình đầu tư công bằng nguồn ngân sách có quy mô quá lớn, chưa thật cấp bách, có thời gian đầu tư dài. Khuyến khích các chủ đầu tư huy động vốn ngoài ngân sách để đầu tư theo phương thức chia khoán trao tay, có đặt cọc bảo hành - bảo đảm chất lượng công trình.

Đặc biệt, cần phân định rõ thẩm quyền, nghĩa vụ của từng cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) trong thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác. Các Bộ được giao làm đại diện chủ sở hữu tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp theo cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Việc đầu tư, kế hoạch sản xuất hàng năm, huy động vốn... thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng. Nghiên cứu để phân cấp cho Hội đồng thành viên có thẩm quyền quyết định việc thành lập chi nhánh. Việc thành lập mới doanh nghiệp phải báo cáo chủ sở hữu. Việc huy động vốn có liên quan đến ngoài nước phải có thẩm định của Bộ Tài chính. Nội dung phê duyệt, thẩm định, chấp thuận cần được cụ thể hóa trong văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này; Xây dựng Nghị định riêng đối với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo nguyên tắc tập trung vốn của các doanh nghiệp nhỏ để đầu tư cho doanh nghiệp lớn...

Không nên đóng khung sự phối hợp chính sách chỉ trong nội bộ các cơ quan chính phủ với các doanh nghiệp nhà

nước, mà cần gắn kết chặt chẽ, mở rộng dân chủ hóa với giới doanh nghiệp và viện, trường và các tầng lớp dân chúng khác. Sử dụng chuyên gia trong nước và nước ngoài có trình độ và khách quan nhằm đánh giá, phản biện độc lập các tác động 2 mặt của dự án đầu tư công lớn. Làm tốt việc này sẽ hạn chế bớt những hoạt động đầu tư công gắn với lợi ích cục bộ, chủ quan và ngắn hạn của các quan chức chuyên nghiệp và chính trị trong đầu tư công.

Tái cơ cấu phải có tầm nhìn xa, không bị “tư duy nhiệm kỳ”, tư tưởng cục bộ, bệnh thành tích, chủ quan duy ý chí hay “lợi ích nhóm” chi phối; đồng thời, cần có sự đổi mới quy trình và phương pháp thực hiện quy hoạch, đi từ yêu cầu và mục tiêu tổng thể chung của cả nước, đến các vùng lãnh thổ, rồi mới đến từng địa phương, cơ sở. Đặc biệt, cần khẩn trương xác định các tiêu chí và thứ tự ưu tiên làm căn cứ để tái cấu trúc tổ chức và quản lý DNNN, khắc phục tình trạng trì trệ hoặc lạm dụng, trục lợi, thậm chí tái cấu trúc kiểu “râu ông nọ cắm cằm bà kia” trong phân công chủ quản và “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” trong chỉ đạo, điều hành... Cần xây dựng bộ tiêu thức phù hợp và chuẩn hóa để tạo căn cứ lựa chọn và thông qua các dự án đầu tư theo công theo lĩnh vực và yêu cầu đầu tư, mục tiêu kinh tế-xã hội, môi trường, cũng như các lợi ích quốc gia và địa phương, ngành, cụ thể và dài hạn; có phân biệt 2 loại mục tiêu và 2 loại tiêu chí đánh giá hiệu quả

đầu tư công-đầu tư vì lợi nhuận và đầu tư phi lợi nhuận, khắc phục sự nhập nhằng giữa nguồn vốn hoạt động vì lợi nhuận với nguồn vốn hoạt động phi lợi nhuận, cũng như giữa trách nhiệm xã hội của các tập đoàn kinh tế nhà nước đối với ổn định kinh tế vĩ mô với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, để dẫn đến đầu tư của tập đoàn vừa bị phân tán, vừa dễ bị lạm dụng, kém hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa, thu hẹp tỷ trọng và giảm thiểu số lượng doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, chỉ duy trì DN 100% vốn nhà nước trong những ngành, lĩnh vực mà nhà nước cần độc quyền, giữ vị trí then chốt của nền kinh tế và các lĩnh vực mà doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân không hoặc chưa muốn, chưa có khả năng tham gia; Ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế đa sở hữu, với vai trò nòng cốt là DNNN, đảm nhận vai trò chủ lực trong nền kinh tế, được vận hành theo đúng quy luật kinh tế trên cơ sở sự tự nguyện thoả thuận liên kết, hợp tác giữa các pháp nhân độc lập; Ủng hộ thành lập tập đoàn kinh tế tư nhân; *Đồng thời, kiên quyết chấm dứt tình trạng các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đầu tư dàn trải ra ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính* (Hội nghị TW 3 yêu cầu hoàn thành trước năm 2015) và tập trung phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những ngành, lĩnh vực quan trọng có ý nghĩa then chốt của nền kinh tế quốc dân, chủ yếu thuộc các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật liên quan đến kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ công, ổn định kinh tế vĩ mô; Nghiên cứu chỉnh sửa giảm tỷ trọng xuống dưới 10%, thậm chí bãi bỏ sớm quy định về cho phép DNNN được phép đầu tư "trái ngành" tối đa 30% tổng nguồn vốn đầu tư, vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, mức vốn đầu tư công ty nhà nước không được vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn, nhưng mức vốn góp của công ty mẹ và công ty con trong tổng công ty, tập đoàn không vượt quá mức 30% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn... Khuyến khích phát triển tập đoàn đa sở hữu, cổ phần và tiêu chuẩn hóa quản trị doanh nghiệp theo yêu cầu phòng tránh rủi ro cao. Đặc biệt, cần đảm bảo tính ổn định

hệ thống, chủ động phòng ngừa các tác động mặt trái, những cái "bẫy" nợ nần và hiệu quả thiết thực trong quá trình tái cấu trúc trong cả khu vực doanh nghiệp, cũng như khu vực tài chính- ngân hàng. Ngoài ra, còn cần chú ý xử lý tốt các vấn đề liên quan đến mua bán sáp nhập doanh nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp, an sinh xã hội. Ngăn chặn hiệu quả hơn những hệ lụy khó lường của độc quyền kinh doanh xăng, dầu, điện, thuốc,... Nên mở cửa mạnh hơn nữa cho thu hút các dòng đầu tư, kể cả tài chính nước ngoài. Khi luồng vốn trong nước đã hạn hẹp và không được sử dụng hiệu quả, thì càng phải mở cửa cho nước ngoài, nếu không sẽ có đình trệ, ách tắc không cần thiết.

Về cơ chế quản lý DNNN, cần thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch về tài chính. Đổi mới quản trị và cơ chế hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo hướng chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng trên thị trường đối với những hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận... Trước mắt, cần sửa đổi ngay những quy định không phù hợp liên quan đến vấn đề xác định giá trị doanh nghiệp, chọn đối tác chiến lược, bán cổ phần ưu đãi cho người lao động... Đồng thời, làm rõ hơn vai trò của chủ sở hữu hoặc người đại diện chủ sở hữu; quyền chủ động điều hành sản xuất, kinh doanh của tập đoàn với yêu cầu đầu tư của Nhà nước vì lợi ích chung; vai trò và cơ chế trách nhiệm, quyền lợi của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên. Đặc biệt, sự phân cấp quản lý cần thống

nhất và rõ ràng, gắn với chịu trách nhiệm liên đới của từng tổ chức, cá nhân trong quản lý DNNN; Công khai các thông tin, quy trình, thủ tục, danh mục dự án, tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án đầu tư của DNNN; Bên cạnh hệ thống giám sát nhà nước, cũng cần xem xét bổ sung quy định các hoạt động đầu tư công chịu sự giám sát của cộng đồng, xác lập quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong vai trò giám sát đối với các hoạt động đầu tư của DNNN. Nghiên cứu quy định rõ các hành vi bị cấm và các chế tài đủ mạnh để xử lý các hành vi vi phạm ở các mức độ khác nhau; góp phần ngăn chặn những hành vi tiêu cực và làm cơ sở pháp lý để xử lý các sai phạm trong đầu tư của DNNN...

- *Tăng phát hiện và chế tài những vi phạm về giá cả, đầu cơ và lũng đoạn, chống lobby mang tính chất ngành và doanh nghiệp.*

Cần có cơ chế mới ngăn chặn kiên quyết hơn và hiệu quả hơn những biểu hiện và hoạt động "lobby" chính sách và sự chi phối chính sách, kế hoạch và hoạt động đầu tư vì lợi ích nhóm, ngành, cục bộ và lối tư duy nhiệm kỳ, không phải vì lợi ích chung và sự phát triển

quốc gia. Khi có sự lobby ngành nào đó, nó tạo ra sự lệch hướng hay thiếu thống nhất về chính sách của Chính phủ và gây thiệt hại chung cho xã hội.

Thực hiện nghiêm cho các khu vực doanh nghiệp tham gia rộng rãi, bình đẳng việc đấu thầu thực chất các dự án, đặc biệt là được tài trợ bằng các nguồn lực công, cũng như các hoạt động mua sắm chỉ từ nguồn đầu tư công, chứ không phải chỉ khép kín trong khu vực Nhà nước với nhau. Cơ quan chủ quản và chủ đầu tư không thể vừa lập dự án, vừa "tạo điều kiện" cho các doanh nghiệp nào đó vào.

...Khuyến khích phát triển tập đoàn đa sở hữu, cổ phần và tiêu chuẩn hóa quản trị doanh nghiệp theo yêu cầu phòng tránh rủi ro cao. Đặc biệt, cần đảm bảo tính ổn định hệ thống, chủ động phòng ngừa các tác động mặt trái, những cái "bẫy" nợ nần và hiệu quả thiết thực trong quá trình tái cấu trúc trong cả khu vực doanh nghiệp, cũng như khu vực tài chính- ngân hàng...

Dự án vì lợi ích công, thì tất cả ai có đủ năng lực và tiêu chuẩn phù hợp đều có quyền cạnh tranh thực hiện.

Trong vấn đề kiểm soát thị trường, chú ý đến liều lượng, thời lượng, chính sách hỗ trợ khi xây dựng và thực thi những giải pháp đã, đang và sẽ triển khai. Bất kỳ chính sách nào cũng có 2 mặt của nó, vì vậy phải lưu ý dự báo trước, chuẩn bị trước phương án, xác định cơ chế phản hồi, phản biện, tiếp thu và không ngừng hoàn chỉnh, để phát huy mặt tích cực, giảm tiêu cực của các chính sách được lựa chọn.

Coi trọng hơn nữa việc chống tham nhũng, sử dụng người tài, xây dựng và thống nhất một hệ giá trị chuẩn quốc gia, cả về chính trị, kinh tế, xã hội, để tăng cường lòng tin và sự đồng thuận xã hội, đảm bảo tất cả chính sách, tất cả những gì chúng ta phân biệt đúng-sai phải theo chuẩn mực chung, tránh bị ngộ nhận hoặc bị nhiễu về chân giá trị. Tham nhũng liên quan đến lạm phát vì còn làm tăng chi phí của doanh nghiệp, bỏ lỡ cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, làm lệch các nguồn lực cần thiết vào những nơi cần thiết, giảm hiệu quả đầu tư công, giảm hiệu quả của chính sách, tăng áp lực của lạm phát và phát triển thiếu bền vững. Tham nhũng trong công tác tổ chức-cán bộ còn mang lại sự nguy hại to lớn và lâu dài hơn nữa cho đất nước, vì chúng không chỉ tạo ra và dung dưỡng những kẻ ăn bám, phá hoại, làm giảm năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển KT-XH và chống lạm phát, mà còn làm xói mòn lòng tin, hủy hoại các nguồn lực quốc gia, làm bạn bè thế giới xa lánh và đổ vỡ khối đại đoàn kết dân tộc... Vì vậy, Nhà nước cần xây dựng một cơ chế chống tham nhũng thực chất hơn, dân chủ hơn, kiên quyết và hiệu quả hơn. Trong lạm phát, mọi người càng cảm nhận được tính cấp thiết của điều này. Đó cũng là một cơ hội mới tích cực mà lạm phát tạo ra nên được tận dụng... ■

NGÀNH DỆT MAY

DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Th.S NGUYỄN MẠNH HÙNG

C hính sách tài chính tiền tệ bao gồm chính sách tài chính và chính sách tiền tệ. Công cụ của chính sách tài chính tiền tệ là các biện pháp tài chính mà chủ thể chính sách tài chính lựa chọn, sử dụng để đạt mục tiêu của chính sách. Công cụ của chính sách tài chính tiền tệ chủ yếu là: thuế, công trái, chi tiêu công cộng, lãi suất chiết khấu, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, công cụ thị trường mở,... Giữa tài chính doanh nghiệp và chính sách tài chính tiền tệ có mối quan hệ mật thiết, bởi lẽ sự thay đổi của chính sách tài chính có ảnh hưởng sâu sắc đến kết quả tài chính hàng năm của các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp dệt may Việt Nam giai đoạn 2006-2010.

Đặc điểm dệt may Việt Nam giai đoạn 2006-2010

Ngành Dệt may Việt Nam có lịch sử phát triển lâu đời. Dệt may là ngành hàng mũi nhọn của Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Từ nhiều năm qua, sản phẩm dệt may Việt Nam không ngừng phát triển về số lượng, cơ cấu chủng loại và giá trị kim ngạch, trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực và chiếm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Những thành công của sản phẩm may mặc trên thị trường quốc tế đã đánh dấu bước khởi đầu tốt đẹp trong sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế ở Việt

Nam. Trong toàn ngành Dệt may, may mặc là ngành có nhiều tiềm năng phát triển, có lợi thế cạnh tranh lớn trên trường quốc tế.

Đến thời điểm hiện nay dệt may là một trong những ngành công nghiệp sản xuất, xuất khẩu quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, là một ngành thu hút lượng lao động lớn, vừa tạo ra giá trị hàng hóa, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Năng lực sản xuất của ngành dệt may phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Số lượng doanh nghiệp tăng từ 5 đến 6 lần so với 10 năm trước. Trình độ công nghệ được cải thiện đáng kể, nhiều công đoạn sản xuất đạt trình độ công nghệ tiên tiến của thế giới.

Trong nhiều năm qua, ngành Dệt may Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tương đối cao - bình quân 20%/năm trong giai đoạn 2006-2010. Hàng Dệt may Việt Nam hiện đã có mặt tại trên 100 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có các thị trường quan trọng của thế giới như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...vv.

Tính đến hết năm 2010, Việt Nam có hơn 1000 nhà máy dệt may, thu hút trên 50 vạn lao động, chiếm đến 22% tổng số lao động trong toàn ngành công nghiệp. Sản lượng sản xuất hàng năm tăng trên 10% nhưng quy mô còn nhỏ bé, thiết bị và công nghệ khâu kéo sợi và dệt vải lạc